

Số: 14/2016/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về thông qua Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và**  
**Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016-2020 tỉnh Lạng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**  
**KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016-2020 tỉnh Lạng Sơn; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016-2020 tỉnh Lạng Sơn, với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện chủ yếu sau:

**1. Mục tiêu**

Quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững. Phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất đai đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

## 2. Chỉ tiêu

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2015		Quy hoạch đến năm 2020			
		Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)	Cấp quốc gia phân bổ (ha)	Cấp tỉnh xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>I</b>	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>	<b>831.009</b>	<b>100</b>		<b>831.009</b>	<b>831.009</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>	<b>688.362</b>	<b>82,83</b>	<b>725.704</b>	<b>0</b>	<b>725.704</b>	<b>87,33</b>
	<b>Trong đó:</b>						
1.1	Đất trồng lúa	44.173	6,42	40.680	0	40.680	5,61
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>21.207</i>	<i>48,01</i>	<i>22.000</i>	<i>0</i>	<i>22.000</i>	<i>54,08</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	40.228	5,84		36.758	36.758	5,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	27.217	3,95		50.022	50.022	6,89
1.4	Đất rừng phòng hộ	117.736	17,10	122.661	0	122.661	16,90
1.5	Đất rừng đặc dụng	8.299	1,21	20.387	0	20.387	2,81
1.6	Đất rừng sản xuất	448.654	65,18	452.861	0	452.861	62,40
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.865	0,27	1.500	0	1.500	0,21
1.8	Đất làm muối						
1.9	Các loại đất nông nghiệp còn lại	191	0,03		835	835	0,12
<b>2</b>	<b>ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP</b>	<b>48.001</b>	<b>5,78</b>	<b>59.437</b>	<b>0</b>	<b>59.437</b>	<b>7,15</b>
	<b>Trong đó:</b>						
2.1	Đất quốc phòng	10.928	22,77	13.636	0	13.636	22,94
2.2	Đất an ninh	38	0,08	126	0	126	0,21
2.3	Đất khu công nghiệp			762	0	762	1,28
2.4	Đất khu chế xuất				126	126	0,21
2.5	Đất cụm công nghiệp	42	0,09		548	548	0,92
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	109	0,23		375	375	0,63
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	171	0,36		748	748	1,26
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	178	0,37		219	219	0,37
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh.	14.705	30,64	18150	571	18721	31,50
	<b>Trong đó:</b>						
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>14</i>	<i>0,10</i>	<i>395</i>	<i>-364</i>	<i>31</i>	<i>0,16</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>67</i>	<i>0,46</i>	<i>131</i>	<i>0</i>	<i>131</i>	<i>0,70</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>445</i>	<i>3,03</i>	<i>659</i>	<i>0</i>	<i>659</i>	<i>3,52</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>14</i>	<i>0,10</i>	<i>485</i>	<i>0</i>	<i>485</i>	<i>2,59</i>
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	631	1,32	863	-223	640	1,08
2.11	Đất danh lam, thắng cảnh				223	223	0,37

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2015		Quy hoạch đến năm 2020			
		Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)	Cấp quốc gia phân bổ (ha)	Cấp tỉnh xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	674	1,40	840	0	840	1,41
2.13	Đất ở tại nông thôn	7.132	14,86		7584	7.584	12,76
2.14	Đất ở tại đô thị	984	2,05	1.310	64	1.374	2,31
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	113	0,24		182	182	0,31
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	39	0,08		128	128	0,22
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao						
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	8	0,02		8	8	0,01
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	556	1,16		926	926	1,56
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>94.647</b>	<b>11,39</b>	<b>45.866</b>	<b>2</b>	<b>45.868</b>	<b>5,52</b>
<b>3.1</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>						
<b>3.2</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>19.810</b>	<b>2,38</b>	<b>47.354</b>		<b>47.354</b>	<b>5,70</b>
<b>3.3</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>8.285</b>	<b>1,00</b>	<b>15.991</b>		<b>15.991</b>	<b>1,78</b>

### 3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

a) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các ngành, lĩnh vực, cấp huyện và cấp xã của tỉnh phải đảm bảo dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và cấp xã phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể của tỉnh đến các địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

b) Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt.

c) Khuyến khích việc khai hoang phủ xanh đất trống, đồi núi trọc nhằm đẩy nhanh tiến độ đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; đẩy mạnh trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng trên đất trống để tăng nhanh độ che phủ.

d) Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

đ) Tạo nguồn vốn đầu tư từ quỹ phát triển đất, sử dụng thỏa đáng nguồn thu từ đất để sử dụng cho các mục đích như: ứng vốn để đầu tư quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch; ứng vốn để thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, khai hoang, cải tạo đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất nông lâm nghiệp,...

e) Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra cơ bản về đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hệ thống thông tin về đất đai; nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

g) Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật về đất đai. Tổ chức thực hiện nghiêm túc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các thủ tục để trình Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016-2020 tỉnh Lạng Sơn; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVI, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2016./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP, các CV VP HĐND tỉnh;
- C, PVP, các phòng VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Nghiệm**